

Bản án số: **29/2023/DSPT**

Ngày 09 - 6 - 2023

*“V/v: yêu cầu mở lối đi qua bất
động sản liền kề”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Nam và ông Ma Ngọc Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2023/TLDS - PT, ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc “Yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 137/2022/DS - ST, ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2023/QĐ-PT, ngày 29 tháng 3 năm 2023; Thông báo hoãn phiên tòa số 25/TB-TA ngày 18/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐ-PT ngày 08/5/2023; Thông báo hoãn phiên tòa số 34/TB-TA ngày 29/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đình Văn S**, sinh năm 1962 (*có mặt*).

Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Vũ Trung K
- Luật sư thuộc Công ty luật Trách nhiệm hữu hạn Vũ Kiên, đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang; địa chỉ: MG4 - 09 Vincom, phố H, tổ 13, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (*có mặt*).

2. Bị đơn: Ông **Đào Đức C**, sinh năm 1963 (*có mặt*).

Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Vũ Thị S1, sinh năm 1959 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

3.2. Anh Đình Văn T, sinh năm 1993 (*có mặt*).

3.3. Bà Lê Thị S2, sinh năm 1968 (*vắng mặt*).

3.4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963 (*vắng mặt*).

3.5. Bà Tạ Thị M, sinh năm 1966 (*vắng mặt*).

3.6. Anh Phan Văn M1, sinh năm 1980 (*vắng mặt*).

3.7. Anh Đào Đức L, sinh năm 1990 (*có mặt*).

3.8. Anh Đào Thanh T, sinh năm 1993 (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đào Đức L và anh Đào Thanh T: Ông Đào Đức C và bà Lê Thị S2 (là đương sự trong vụ án).

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

3.9. Ông Tạ Văn T1, sinh năm 1972 (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

3.10. Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1985 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn 8 M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

3.11. UBND xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Thôn 6 T, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn S3; chức vụ: Quyền Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn Q; chức vụ: Công chức địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng nông thôn và môi trường xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt*)

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Đào Đức C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, các biên bản lấy lời khai, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đinh Văn S trình bày:*

Gia đình ông sử dụng các thửa đất số 316, 318 và một số diện tích đất khác là đất rừng sản xuất tại khu vực khe Đ thuộc Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang từ năm 1982 cho đến nay. Trước đây, trong quá trình canh tác gia đình ông có mở một con đường mòn làm lối đi từ đầu cầu tràn đường đi vào thôn N, xã Y dọc theo ven suối và chân lô của Lâm trường huyện H để đi vào trong khu vực khe Đ làm ruộng, trồng rừng, vận chuyển gỗ của Dự án 327 mà gia đình ông đã ký Hợp đồng với Lâm trường H. Khi gia đình ông mở con đường đó thì không đi vào đất của ai mà chỉ đi ven theo bờ suối, xung quanh là rừng của Lâm trường H. Lối đi này chỉ là lối mòn, chỉ có thể đi bộ chứ không thể sử dụng phương tiện xe cơ giới được. Đến năm 1999, ông cho hai người chị là bà Bàn Thị Y và bà Nguyễn Thị T2 mượn đất ở khu trong để sinh sống và làm ăn, lúc đó ông và các chị của ông đã mở rộng con đường đi và phát mở thêm một đoạn đường từ suối đi ngang qua đuôi chân lô đất của lâm trường đi xuống lòng khe để đi cho gần hơn. Khi ông mở đoạn đường cắt ngang đó đã tạo nên một đuôi đất nhưng không có ai canh tác nên ông phát dọn và trồng cây trên đó.

Đến năm 2005, con gái ông là chị Đinh Thị S4 kết hôn với anh Hoàng Văn N nên ông cho vợ chồng con gái sử dụng một phần các thửa đất của gia đình ở khu vực khe Đ để canh tác và làm nhà ở. Năm 2009 gia đình ông được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 316 tờ bản đồ số 2, diện tích là 9.619.0m² tại khu vực khe Đ thuộc Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Đối với các phần diện tích đất khác mặc dù chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất nhưng gia đình ông vẫn sử dụng ổn định, liên tục để trồng cây lấy gỗ không có tranh chấp với ai. Do lối đi cũ phải men theo bờ suối, chỉ có thể đi bộ chứ không thể sử dụng phương tiện xe cơ giới, hơn nữa vào mùa mưa lũ không thể đi lại được nên vào năm 2010, con rể ông là Hoàng Văn N đã thỏa thuận với gia đình ông Đào Đức C, bà Lê Thị S2 trú tại Thôn L, xã Y cho mở một đoạn đường đi qua đuôi thửa đất số 339, tờ bản đồ số 2 của gia đình ông C nối vào đường cũ do ông mở để tránh phải đi qua suối để đi vào các thửa đất phía trong của gia đình. Ngoài anh Hoàng Văn N, còn có 03 hộ gia đình khác là hộ ông Tạ Văn T1, ông Nguyễn Văn H, bà Tạ Thị M là các hộ có đất rừng sản xuất ở phía trong cùng góp tiền với anh N để thuê máy móc mở đoạn đường đi qua thửa đất số 339 của gia đình ông C, bà S2. Sau khi các hộ gia đình trên mở đoạn đường đi qua thửa đất số 339 của gia đình ông C thì gia đình ông và các hộ gia đình khác có đất sản xuất phía trong thửa đất số 339 của ông C tại khu vực khe Đ sử dụng đoạn đường này là lối đi duy nhất để đi từ đường công cộng vào phía trong canh tác, vì lối đi cũ do ông mở ven theo bờ suối hiện tại không còn.

Thửa đất số 339 của gia đình ông C nằm phía ngoài, tiếp giáp với đoạn đường liên xã Y – Yên Lâm (đoạn đi vào thôn N, xã Y) sau đó đến thửa đất số 318 mà hiện nay gia đình ông đang sử dụng. Đoạn đường đi qua thửa đất 339 của gia đình ông C được nối liền với con đường dưới ven chân lô của thửa đất số 318 của gia đình ông hiện tại là lối đi duy nhất để các hộ gia đình có đất phía trong đi vào canh tác sản xuất, ngoài ra không còn lối đi nào khác. Năm 2018, giữa gia đình ông và gia đình ông C xảy ra tranh chấp đối với phần mồm đất giáp bờ suối mà gia đình ông C nhận đó là một phần diện tích của thửa 339 nên gia đình ông C không cho gia đình ông sử dụng đoạn đường đã san ủi đi qua thửa 339 của gia đình ông C nữa dẫn đến việc gia đình ông không thể đi vào các thửa đất phía trong của mình để canh tác, gây thiệt hại về kinh tế. Gia đình ông đã nhiều lần đề nghị được thương lượng, thỏa thuận với gia đình ông C để được đi qua đoạn đường này nhưng gia đình ông C không đồng ý. Ông đã làm đơn đề nghị thôn, xã can thiệp, hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông C dành cho gia đình ông lối đi qua thửa đất 339 hiện tại đã là đường đi do một số hộ dân san ủi trước đây. Gia đình ông sẽ có trách nhiệm đền bù giá trị đối với phần diện tích đất của gia đình ông C dành làm lối đi cho gia đình ông và các hộ dân khác. Ngoài ra, ông không có ý kiến gì khác đối với các cá nhân, hộ gia đình có liên quan đến việc sử dụng đoạn đường đi trên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị S1, anh Đinh Văn T nhất trí với ý kiến trình bày của nguyên đơn ông Đinh Văn S, đề nghị Tòa án buộc gia đình ông Đào Đức C, bà Lê Thị S2 dành diện tích đất hiện nay là đường đi thuộc thửa đất số 339, tờ bản đồ số 2 để gia đình mình đi vào canh tác các thửa đất ở phía bên trong.

** Bị đơn ông Đào Đức C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị S2 cùng trình bày:*

Thửa đất 339, tờ bản đồ số 2 tại khu vực khe Đ thuộc Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang do ông bà khai phá, sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay. Hiện nay thửa đất trên là tài sản chung của vợ chồng ông bà và các con là Đào Đức L, Đào Thanh T. Quá trình sử dụng thửa đất trên gia đình ông bà không có tranh chấp với ai. Ông bà đã làm thủ tục kê khai nhưng đến nay chưa được cấp

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất số 339 của gia đình ông bà nằm ở phía ngoài tiếp giáp đường liên xã Y – Yên Lâm (đoạn đường từ Thôn L, xã Y đi thôn N, xã Y), kế tiếp thửa đất 339 là thửa đất 318 của gia đình ông S đang trồng cây Keo, sau đó là khu vực đất rừng sản xuất của các hộ dân trong thôn ở phía trong. Trước đây gia đình ông S và các hộ dân có đất ở phía trong sử dụng lối đi từ đầu cầu tràn hiện nay men theo bờ suối đi vào cửa khe Đ để vào phía trong chứ không phải đi qua thửa đất 339 của gia đình ông. Khi con nuôi của ông bà là anh Hoàng Văn N lấy con gái ông S là chị Đinh Thị S4 nên đã làm nhà ở trên một phần đất diện tích đất của gia đình ông S ở phía trong. Vào mùa mưa lũ con đường cũ đi men theo bờ suối nước lên to, đi lại khó khăn nên khoảng năm 2010 vợ chồng anh N có hỏi mượn một phần thửa đất 339 của gia đình ông bà để làm đường đi tránh lũ, do thương hoàn cảnh của anh N nên ông bà đồng ý. Ông bà tự thuê máy móc để mở đường cho gia đình anh N đi nhưng do lâu ngày nên ông bà không nhớ đầy đủ họ tên, địa chỉ của người chủ máy đã mức đường thuê cho ông bà. Sau khi mở đường xong thì các hộ gia đình ông Tạ Văn T1, bà Tạ Thị M, ông Nguyễn Văn H tự nguyện góp tiền đưa cho anh Hoàng Văn N để anh N đưa lại cho ông bà trả tiền thuê máy, mỗi hộ gia đình góp 1.250.000đ, tổng cộng là 3.750.000đ. Ông bà thỏa thuận với hộ anh N, ông H, ông T1, bà M là ông bà chỉ cho mượn đất để làm đường đi chứ không bán đất, khi nào ông bà có nhu cầu sử dụng đến sẽ lấy lại. Việc ông bà cho mượn đất chỉ thỏa thuận bằng miệng chứ không làm giấy tờ gì. Sau đó hộ anh N, ông T1, bà M, ông H tiếp tục thỏa thuận với gia đình ông S để mở đoạn đường chạy theo dưới ven chân lô thửa đất số 318 của gia đình ông S nối liền với đoạn đường mở qua thửa đất số 339 của gia đình ông bà để đi từ đường bê tông liên xã vào khu đất rừng sản xuất của các hộ gia đình ở phía trong. Sau khi con đường trên được hình thành thì gia đình ông S đã thuê máy lắp con đường cũ và cùng các hộ khác sử dụng lối đi qua thửa đất 339 của gia đình ông để vào phía trong. Năm 2018, gia đình ông bà và gia đình ông S xảy ra tranh chấp đối với phần mỏm thửa đất 339 giáp bờ suối của gia đình ông bà nên ông bà không cho gia đình ông S sử dụng đoạn đường đi qua thửa đất 339 của gia đình ông nữa mà yêu cầu ông S phải đi lại con đường cũ trước đây. Nay ông S khởi kiện yêu cầu gia đình ông bà dành cho gia đình ông S lối đi qua thửa đất 339 mà ông đã cho các hộ dân khác làm đường đi vào năm 2010 thì ông bà không nhất trí cho gia đình ông S đi qua đất nhà mình. Vì thửa đất trên là tài sản thuộc quyền quản lý của gia đình ông bà, ông bà sử dụng đất hợp pháp không có tranh chấp với ai, không ai có quyền lấy đất của ông bà để làm đường đi, việc cho ai đi qua là quyền của ông bà. Ông bà yêu cầu ông S phải khôi phục, trả lại con đường cũ đi men theo bờ suối cho bà con nhân dân.

** Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn N trình bày:*

Trước đây anh kết hôn với con gái ông Đinh Văn S là chị Đinh Thị S4 nên anh là con rể của ông S. Còn ông Đào Đức C và bà Lê Thị S2 trước đây có nhận anh là con nuôi. Quá trình chung sống cùng chị S4 thì anh và chị S4 được gia đình ông S cho sử dụng một phần diện tích đất tại khu vực khe Đ để làm nhà ở và canh tác. Phần diện tích đất này nằm tiếp giáp phía bên trong thửa đất số 339 của gia

đình ông C, bà S2. Trước năm 2010, các hộ dân có đất phía trong (trong đó có hộ gia đình anh) sử dụng lối đi men bờ suối để đi vào phía bên trong. Lối đi này là lối mòn nhỏ, nằm sát bờ suối nên không thể sử dụng phương tiện cơ giới mà chỉ có thể đi bộ. Hơn nữa, vào mùa mưa nước lũ lên to không thể đi qua suối được. Do vậy, gia đình anh đứng lên vận động một số hộ dân có đất ở phía bên trong mở đường đi khác thuận tiện cho việc đi lại, canh tác. Sau đó gia đình anh cùng với hộ ông Tạ Văn T1, bà Tạ Thị M, ông Nguyễn Văn H hỏi xin ông C, bà S2 cho mở lối đi qua chân lô thửa đất số 339 của gia đình ông C, bà S2 (chính là đoạn đường đi có tranh chấp giữa gia đình ông S và gia đình ông C hiện nay). Lối đi này được mở từ mép đường bê tông liên xã từ Thôn L, xã Y đi thôn N, xã Y vào đến khe suối giáp ranh đất nhà ông C và ông Đinh Văn S. Khi làm đường đi qua thửa đất số 339 của gia đình ông C thì hộ gia đình anh cùng các hộ ông T1, bà M, ông H mỗi hộ góp 1.000.000đ, tổng cộng là 4.000.000đ để trả tiền đất cho gia đình ông C. Anh là người trực tiếp đứng ra thu tiền của 03 hộ còn lại để trả tiền đất cho ông C nhưng khi đưa tiền hai bên không làm giấy tờ gì. Ngoài góp tiền để trả tiền đất cho nhà ông C, 04 hộ gia đình còn đóng góp mỗi hộ 1.250.000đ, tổng cộng là 5.000.000đ để thuê máy móc san ủi đất làm đường. Anh là người đứng ra thu tiền của các hộ và trực tiếp thuê và trả tiền máy, nhưng do lâu ngày nên anh không nhớ mình thuê máy của ai. Anh xác định khi góp tiền thuê máy làm đoạn đường này chỉ có 04 hộ gia đình gồm gia đình anh, ông T1, bà M, ông H. Ngoài đoạn đường đi qua thửa đất số 339 của gia đình ông C thì hộ gia đình anh còn cùng các hộ ông T1, bà M, ông H thỏa thuận với ông S để mở nối tiếp đoạn đường chạy dưới ven chân lô thửa đất 318 của gia đình ông S để đi vào phía bên trong. Khi thuê máy làm đoạn đường đi qua thửa đất 339 thì gia đình ông S và gia đình ông C không có đóng góp gì. Tuy nhiên, vì đoạn tiếp giáp phía trong của con đường anh và các hộ mở là đất đồi Keo của ông S cũng có con đường chân lô các hộ vẫn phải đi qua mới vào được các thửa bên trong nên anh và các hộ vẫn nhất trí cho gia đình ông S đi qua đoạn đường mở dưới chân lô nhà ông C phía bên ngoài mà không ai có ý kiến gì. Còn gia đình ông C không có thửa đất nào ở phía trong nên không sử dụng con đường này. Hiện tại anh và chị S4 đã ly hôn nên anh đã chuyển đi sống ở nơi khác và trả lại cho gia đình ông S toàn bộ diện tích đất trước đây gia đình ông S cho anh và chị S4 sử dụng tại khu vực khe Đ. Anh chuyển giao lại khẩu phần anh đã đóng góp cùng 03 hộ gia đình khác để làm đường cho gia đình ông S sử dụng vì thực tế trước đây anh đóng góp cùng các hộ dân khác làm đường là để đi vào canh tác, sử dụng phần đất do gia đình ông S cho vợ chồng anh canh tác. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông S, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày :*

Gia đình ông với gia đình ông Đinh Văn S và gia đình ông Đào Đức C không có quan hệ anh em họ hàng gì mà chỉ là hàng xóm, láng giềng của nhau. Về nguồn gốc đoạn đường đang có tranh chấp giữa gia đình ông S và gia đình ông C là do vào năm 2010 gia đình ông cùng gia đình anh Hoàng Văn N, bà Tạ Thị M, ông Tạ Văn T1 cùng góp tiền thuê máy móc san ủi để làm đường đi từ đường bê tông liên xã vào canh tác đất rừng sản xuất của các hộ gia đình ở phía bên trong khu vực khe Đ. Con đường này bắt đầu từ mép đường bê tông liên xã đi qua một phần đất của gia đình ông C, tiếp theo đi qua một phần đất của gia đình

ông Đinh Văn S sau đó đến đất của các hộ ở phía trong. Khi làm đường 04 hộ gia đình góp tiền thuê máy san ủi đất, mỗi hộ đóng góp 1.250.000đ, tổng cộng 5.000.000đ đưa cho anh Hoàng Văn N đại diện trả tiền thuê máy. Đối với đoạn đường đang có tranh chấp giữa hộ gia đình ông S và hộ gia đình ông C thì từ khi san ủi xong ông và các hộ dân có đất phía bên trong vẫn sử dụng để đi qua từ năm 2010 cho đến nay không có tranh chấp gì. Hiện nay con đường này là lối đi duy nhất để các hộ dân đi từ đường công cộng vào phía bên trong để canh tác. Nay ông Đinh Văn S khởi kiện tranh chấp với gia đình ông C đoạn đường này thì ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Phần gia đình ông vẫn yêu cầu được cùng các hộ gia đình khác sử dụng đoạn đường đó để đi vào canh tác đất ở phía trong vì không còn lối đi nào khác. Trước khi gia đình ông cùng với 03 hộ gia đình khác mở đoạn đường đang có tranh chấp thì các hộ phải đi theo con đường nhỏ ven suối, không thể sử dụng phương tiện cơ giới để đi lại. Hiện nay con đường ven suối cũ cũng không còn nữa. Đối với phần tiền ông đã bỏ ra đóng góp để làm đường cùng các hộ gia đình ông không có ý kiến gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị M trình bày :*

Năm 2010 gia đình bà cùng các hộ gia đình anh Hoàng Văn N, ông Tạ Văn T1, ông Nguyễn Văn H cùng nhau đóng góp số tiền 5.000.000đ trả cho gia đình ông C để được mở đường đi qua thửa đất số 339 của gia đình ông C để đi vào canh tác đất rừng sản xuất của các hộ gia đình tại khu vực khe Đ ở phía trong. Việc trả tiền đất cho ông C do anh N thực hiện, bà không được trực tiếp chứng kiến. Ngoài đóng góp số tiền 1.000.000đ/hộ để trả tiền đất cho gia đình ông C, 04 hộ gia đình còn đóng góp mỗi hộ 1.250.000đ, tổng cộng là 5.000.000đ đưa cho anh Hoàng Văn N để thuê máy san ủi đường. Sau khi mở đường thì gia đình bà cùng các hộ gia đình khác sử dụng để đi vào phía trong canh tác đất rừng sản xuất từ năm 2010 đến nay không có tranh chấp với ai. Đối với việc ông S khởi kiện yêu cầu gia đình ông C cho gia đình ông S sử dụng lối đi qua thửa đất số 339 của gia đình ông C mà bà đã cùng với 03 hộ gia đình khác góp tiền thuê máy san ủi thì bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, nhưng bà vẫn yêu cầu được tiếp tục sử dụng lối đi này vì hiện nay đây là lối đi duy nhất để đi từ đường công cộng vào phần đất rừng sản xuất của gia đình bà tại khu vực khe Đ. Đối với số tiền bà đã góp cùng các hộ gia đình để trả tiền đất cho gia đình ông C và tiền thuê máy làm đường bà yêu cầu gia đình ông S phải đóng góp cùng các hộ dân đã làm đường trước đây, nhưng cụ thể số tiền yêu cầu ông S đóng góp như thế nào thì bà không xác định được vì còn phải bàn bạc với các hộ gia đình còn lại. Quá trình giải quyết vụ án bà cũng không làm đơn yêu cầu độc lập để yêu cầu gia đình ông S phải góp tiền cùng các hộ gia đình.

** Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Văn T1 trình bày:*

Ông sinh ra và lớn lên tại thôn 4 T (nay là Thôn L), xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Gia đình ông và gia đình ông S, ông C trước đây là hàng xóm láng giềng. Trước đây, gia đình ông có sử dụng một diện tích đất rừng sản xuất tại khu vực khe Đ – Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Đất rừng sản xuất của gia đình ông trước đây nằm phía bên trong thửa đất số 339 của gia đình ông C và các thửa đất 316, 318 của gia đình ông S. Trước đây gia đình ông cùng các hộ gia đình khác sử dụng lối đi từ đường liên xã Y – Yên Lâm (theo hướng thôn N, xã Y) men theo các bờ ruộng và bờ suối để đi vào canh tác các thửa đất phía bên trong. Đường đi cũ này chỉ là lối mòn nhỏ, men theo

bờ ruộng và suối, không thể sử dụng phương tiện cơ giới để đi lại. Sau đó do gia đình ông S đắp ao nên các hộ gia đình không thể sử dụng lối đi cũ để vào phía trong được nữa. Năm 2010, 04 hộ gia đình gồm: Gia đình ông (Tạ Văn T1), bà Tạ Thị M, ông Nguyễn Văn H, anh Hoàng Văn N cùng nhau thuê máy mức san ủi đoạn đường đi từ mép đường bê tông liên xã đi qua thửa đất số 339 của gia đình ông C vào đến khe suối giáp ranh đất nhà ông C và ông Đình Văn S. Đoạn đường đi qua đất nhà ông C chính là đoạn đường đang có tranh chấp hiện nay giữa gia đình ông S và gia đình ông C. Ngoài đoạn đường qua đất nhà ông C, 04 hộ gia đình còn thỏa thuận mua đất dưới ven chân lô trồng Keo của gia đình ông S nằm liền kề với đất của nhà ông C để làm đường vào canh tác ở phía trong. Khi làm đường đi qua đất nhà ông C thì mỗi hộ đóng góp 1.000.000đ đưa cho anh N để trả tiền đất cho ông C. Tuy nhiên, khi các hộ yêu cầu ông C viết giấy biên nhận thì ông C không viết. Ngoài góp tiền để trả tiền đất cho gia đình ông C thì 04 hộ các ông còn cùng nhau đóng góp tiền để thuê máy mức san ủi đoạn đường đó. Mỗi hộ đóng góp số tiền 1.250.000đ, tổng số tiền là 5.000.000đ. Anh Hoàng Văn N là người đứng ra nhận số tiền đóng góp thuê máy làm đường của 04 hộ gia đình, còn cụ thể anh N thuê máy của ai để làm đường thì ông không rõ. Sau khi san ủi đường xong thì 04 hộ gia đình và một số hộ dân khác (trong đó có hộ gia đình ông S) có đất tại khu vực khe Đ ở phía trong thửa đất 339 của gia đình ông C vẫn sử dụng lối đi này không có tranh chấp với ai. Hiện tại ông đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất rừng sản xuất tại khu vực khe Đ cho người khác nên không còn sử dụng đoạn đường đi qua thửa đất số 339 của nhà ông C nữa. Đối với việc ông S khởi kiện yêu cầu gia đình ông C cho gia đình ông S sử dụng đoạn đường trước đây ông cùng 03 hộ dân khác đóng góp mở đường để đi vào phía trong thì ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Còn đối với số tiền ông đã đóng góp để làm đoạn đường đó và trả tiền đất cho nhà ông C thì ông cũng không có yêu cầu gì.

** Đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã Y trình bày:*

Vị trí diện tích đất đang có tranh chấp giữa ông Đình Văn S và ông Đào Đức C theo hiện trạng là một đoạn đường đi do một số hộ dân có đất rừng sản xuất tại khu vực Đèo Lát thuộc Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang tự mở. Đường đi này được bắt nguồn từ mép đường bê tông liên xã Y – Yên Lâm (đường liên Thôn L (xã Y) đi thôn N (xã Y) đi qua một phần thửa đất số 339 tờ bản đồ số 2 – Bản đồ 672 (bản đồ phân 3 loại rừng) của gia đình ông Đào Đức C tiếp nối với đường đi qua thửa đất số 318 là đất rừng sản xuất của gia đình ông Đình Văn S ở phía trong liền kề (thửa đất này gia đình ông S chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) để đi vào các thửa đất rừng sản xuất của các hộ dân khác ở phía trong, trong đó bao gồm cả thửa đất số 316, tờ bản đồ số 2 của gia đình ông Đình Văn S đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất 339 của gia đình ông Đào Đức C và thửa 318 mà gia đình ông Đình Văn S nằm liền kề nhau, trong đó thửa đất 339 nằm tiếp giáp với trục đường bê tông liên xã Y – Yên Lâm, thửa đất số 318 nằm tiếp giáp phía bên trong thửa đất 339, còn thửa đất 316 nằm ở phía trong góc thửa 318. Trên bản đồ 672 không thể hiện có lối đi từ đường bê tông liên thôn qua thửa đất 339 của gia đình ông C để đi vào các thửa đất số 318, 316 của gia đình ông S và các thửa đất khác của các hộ dân phía bên trong.

Theo UBND xã năm được thì trước đây gia đình ông Đinh Văn S và các hộ có đất rừng sản xuất phía bên trong sử dụng lối đi men theo bờ suối để đi vào thửa đất số 316, 318 và các thửa đất phía bên trong. Lối đi cũ này chỉ là đường mòn nhỏ, hẹp men theo bờ suối nên không thể sử dụng xe cơ giới để đi vào khai thác gỗ và canh tác nên vào năm 2010 các hộ gia đình bà Tạ Thị M, ông Tạ Văn T1, ông Nguyễn Văn H, anh Hoàng Văn N đã cùng nhau thỏa thuận với ông Đào Đức C và ông Đinh Văn S sau đó thuê máy san ủi mở một lối đi từ mép đường bê tông liên xã đi qua thửa đất số 339 của gia đình ông C và thửa đất số 318 của gia đình ông S để vào các thửa đất phía bên trong canh tác. Kể từ khi được mở thì lối đi này là lối đi duy nhất để gia đình ông S và các hộ gia đình khác có đất ở phía trong khu vực khe Đ đi vào để canh tác. Lối đi cũ men theo bờ suối trước đây do không có ai đi nên không còn tồn tại, do vậy đoạn đường đang có tranh chấp là lối đi duy nhất để gia đình ông S đi từ đường công cộng vào thửa đất số 316, 318 ở phía trong để canh tác. Ngoài gia đình ông S thì các hộ khác là hộ bà Tạ Thị M, ông Tạ Văn T1, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H, ông Phan Văn M1 và một số hộ dân khác có đất phía trong cũng cùng sử dụng đoạn đường này là lối đi duy nhất để vào canh tác đất phía bên trong.

Tại khu vực khe Đ hiện nay mới chỉ có một số hộ dân có đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các diện tích đất này được quản lý, thể hiện trên Bản đồ phân 3 loại rừng (Bản đồ 672), ngoài ra không còn được thể hiện trên loại bản đồ nào khác. Lối đi cũ trước đây do các bên trình bày cũng chỉ là lối mòn do các hộ dân tự đi chứ không được thể hiện trên bản đồ hay các tài liệu địa chính nào. Hiện nay lối đi này không còn tồn tại và nếu có còn tồn tại thì cũng không thể sử dụng các phương tiện xe cơ giới được vì lối đi cũ trước đây có vị trí một bên giáp bờ suối, một bên giáp với đất đồi cao nên không thể mở đường cho xe cơ giới đi lại được. Việc các hộ dân có đất phía trong sử dụng lối đi qua thửa đất 339 của gia đình ông C để đi ra đường công cộng là ngắn nhất, thuận tiện nhất và không gây thiệt hại gì về tài sản đối với chủ sử dụng thửa đất là gia đình ông C. Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền có lối đi của chủ bất động sản theo quy định của Bộ luật dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn M1 đến làm việc để ghi ý kiến của anh Mạnh tuy nhiên anh Mạnh không hợp tác. Tại Biên bản làm việc ngày 14/6/2022 có sự chứng kiến của đại diện Thôn L, anh Phan Văn M1 trình bày anh là người đóng góp để được đi qua thửa đất 339 của gia đình ông C nhưng anh đóng góp sau, anh không liên quan đến việc tranh chấp giữa các bên nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chỉ yêu cầu được tiếp tục sử dụng đoạn đường đang có tranh chấp để đi vào phía trong canh tác vì hiện tại không còn lối đi nào khác.

Vụ án đã được Toà án nhân dân huyện H thụ lý, hoà giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2022/DS - ST, ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện H đã quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 157, 165, 227, 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 4, 5, 8, 155, 202, 203 Luật đất đai năm 2013; các Điều 254, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn S. Buộc gia đình ông Đào Đức C dành 251,3m² đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 339, tờ bản đồ số 2 - bản đồ 672, địa chỉ đất tại Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang để gia đình ông Đinh Văn S cùng các hộ gia đình bà Tạ Thị M, ông Nguyễn Văn H, anh Phan Văn M1 và các hộ dân khác làm lối đi ra đường công cộng. Diện tích 251,3m² đất dành làm lối đi qua được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 1 trên sơ đồ đo vẽ.

2. Giao cho UBND xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang quản lý 251,3m² đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 339, tờ bản đồ số 2 - bản đồ 672, địa chỉ đất tại Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 1 để làm đường đi chung, sử dụng vào mục đích công cộng.

(Có sơ đồ đo vẽ kèm theo, không tách rời bản án).

3. Ghi nhận việc ông Đinh Văn S tự nguyện thực hiện nghĩa vụ đền bù cho ông Đào Đức C 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền giá trị đất.

Khoản tiền đền bù kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của ông Đào Đức C nếu ông Đinh Văn S chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về chi phí tố tụng:

Nguyên đơn ông Đinh Văn S tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 11.300.000đ (Mười một triệu ba trăm nghìn đồng). Ghi nhận ông Đinh Văn S đã nộp đủ tiền chi phí tố tụng.

Bị đơn ông Đào Đức C không phải chịu tiền chi phí tố tụng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/01/2023, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn ông Đào Đức C với nội dung: Ông Đào Đức C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 137/2022/DS-PT ngày 26/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang với lý do ông không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, thửa đất số 339, tờ bản đồ số 227 là tài sản riêng của gia đình ông, ông S và những người khác đang đi nhờ trên con đường của gia đình ông mở từ trước, ông không bán hoặc chuyển nhượng đất cho anh N để làm đường, ông S là người chiếm đoạt đất nay lại khởi kiện ông là không đúng, gia đình ông không nhất trí việc bản án tuyên bắt buộc gia đình ông phải dành phần đất để cho ông S làm đường đi. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét xác minh làm rõ đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Đào Đức C trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, ông S là người chiếm đoạt đất của ông, nay lại khởi kiện ông là không đúng, ông không nhất trí bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết khách quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và ông Đinh Văn S đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn ông Đào Đức C là hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo - bị đơn ông Đào Đức C giữ nguyên nội dung kháng cáo không nhất trí bản án sơ thẩm nhưng không xuất trình được chứng cứ để chứng minh, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đào Đức C. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 137/2022/DS-ST ngày 26/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Đào Đức C không được chấp nhận nên ông C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Đào Đức C trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Đào Đức C, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện: Gia đình ông Đinh Văn S và các hộ dân khác có đất canh tác trong khu vực khe Đ thuộc Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Trước đây, gia đình ông S cùng các hộ dân sử dụng lối đi từ đường liên xã đi men theo bờ suối vào cửa khe Đ để vào canh tác các thửa đất phía trong, đoạn đường ven suối là các hộ dân tự mở, đi lại khó khăn, mùa mưa không thể đi lại được, không thể sử dụng phương tiện cơ giới để đi vào khu vực canh tác. Đến năm 2010, bốn hộ gia đình bao gồm hộ anh Hoàng Văn N, hộ ông Tạ Văn T1, hộ bà Tạ Thị M và hộ ông Nguyễn Văn H đã thỏa thuận với gia đình ông C thuê máy san ủi đất và mở một lối đi khác đi qua thửa đất 339, tờ bản đồ số 2 của gia đình ông Đào Đức C, đồng thời thỏa thuận với gia đình ông Đinh Văn S để mở lối đi dưới chân thửa đất 318, tờ bản đồ số 2 của gia đình ông Đinh Văn S. Vì thửa đất số 318 của hộ ông Đinh Văn S và

thửa đất số 339 của ông Đào Đức C liền kề tiếp giáp nhau. Kể từ khi mở con đường gia đình anh N, ông T1, bà M, ông H, ông S và một số hộ dân có đất đi qua con đường đó để canh tác các thửa đất phía trong.

Khi làm đường anh N có trao đổi với ông Đào Đức C và ông C không có ý kiến gì. Đến năm 2018 gia đình ông C và ông S xảy ra mâu thuẫn nên ông C không cho gia đình ông S sử dụng lối đi mở qua thửa đất 339 của gia đình mình để vào các thửa đất phía bên trong canh tác.

Trên bản đồ 672 thể hiện: Thửa đất 339 của gia đình ông Đào Đức C và thửa 318 của gia đình ông Đinh Văn S nằm liền kề nhau, trong đó thửa đất 339 nằm tiếp giáp với trục đường bê tông liên xã Y - Yên Lâm, thửa đất số 318 nằm tiếp giáp phía bên trong thửa đất 339, còn thửa đất 316 nằm ở phía trong góc thửa 318. Trên bản đồ 672 không thể hiện có lối đi từ đường bê tông liên thôn qua thửa đất 339 của gia đình ông C để đi vào các thửa đất số 318, 316 của gia đình ông S và các thửa đất khác của các hộ dân phía bên trong.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và trình bày của đại diện UBND xã Y huyện H thể hiện: Diện tích đất nguyên đơn yêu cầu được đi qua (hiện trạng là đường đi) là lối đi duy nhất hiện nay để một số hộ gia đình có đất tại khu vực khe Đ đi từ đường công cộng vào các thửa đất phía bên trong để canh tác.

Từ các căn cứ trên thấy rằng gia đình ông Đinh Văn S sử dụng các thửa đất rừng sản xuất tại thửa 316, 318 khu vực khe Đ, Thôn L, xã Y, huyện H nhưng bị vây bọc bởi thửa đất 339 do gia đình ông Đào Đức C đang quản lý sử dụng, không có lối đi ra đường công cộng. Việc nguyên đơn ông S khởi kiện yêu cầu ông C dành cho gia đình mình được quyền đi qua thửa đất 339 là gần và thuận tiện, hợp lý nhất, có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 254 Bộ luật dân sự, đồng thời không gây thiệt hại gì cho chủ sử dụng đất là gia đình ông C. Diện tích đất đường đi mà nguyên đơn yêu cầu được sử dụng để đi qua hiện tại cũng là đường đi chung duy nhất của các hộ gia đình bà Tạ Thị M, ông Nguyễn Văn H, anh Phan Văn M1 và một số hộ dân khác có đất canh tác tại khu vực khe Đ sử dụng để đi ra đường công cộng.

Xét việc Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giải quyết vụ án đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Đào Đức C phải dành 231,3 m² đất tại thửa 339 để làm lối đi chung là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do vậy, bị đơn Đào Đức C kháng cáo không nhất trí bản án sơ thẩm nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì mới để xem xét chấp nhận kháng cáo của ông C, cần giữ nguyên các quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 137/2022/DS-ST ngày 26/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của ông Đào Đức C không được chấp nhận nên ông C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đào Đức C. Giữ nguyên toàn bộ quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2022/DS-ST ngày 26/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

2. Về án phí: Bị đơn ông Đào Đức C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005952 ngày 14/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 09/6/2023).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thanh Sơn